

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 17 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/TLST - HS, ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST – HS, ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, sinh năm 1991 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn lớp 10; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị C; vợ Trần Thị Xuân Đ; con có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: không.

Tiền sự 03 lần: Ngày 31/01/2019, Nguyễn Quốc T bị Công an thị trấn C, huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 27/3/2019 bị Công an thị trấn C, huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 20/01/2020 bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Nguyễn Quốc T chưa chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên; tạm giữ ngày 17/2/2020; tạm giam từ ngày 20/02/2020 cho đến nay.

- Người bị hại:

1. Ông Lê Ngọc Tr, sinh năm 1980 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Lê Văn E, sinh năm 1966 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp số 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Tha, sinh năm 1979 (Vắng mặt không lý do)
Nơi cư trú: Số 3/01B, khóm 1, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh
 2. Bà Dư Xuân Duyên, sinh năm 1970 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 3, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh
- Đại diện gia đình bị cáo: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966 (Có mặt-cha bị cáo); Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 14/02/2020, Nguyễn Quốc T nảy sinh ý định trộm xe mô tô của người khác để cầm cố xe lấy tiền tiêu xài cá nhân, đi bộ từ nhà dọc theo đường đê liên ấp số 2, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh để tìm tài sản lấy trộm. Nguyễn Quốc T đi đến đoạn đường đê thuộc ấp số 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ bạc, số máy 5C63046185, số khung C6308Y046185, biển kiểm soát 84K2 – 3369 của ông Lê Văn E, sinh năm 1966, nơi cư trú ấp số 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang dựng bên phải theo hướng đi của T, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, không có người trông coi. Nguyễn Quốc T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K2 – 3369 đến thành phố T tìm người cầm cố. Tại đây gặp một người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) rồi nhờ người này dẫn đi cầm cố xe cho bà Dư Xuân D, sinh năm 1970, nơi cư trú khóm 3, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh được số tiền 2.000.000 đồng. Nguyễn Quốc T cho người thanh niên 100.000 đồng số tiền còn lại tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL.ĐGTS, ngày 17/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ bạc, số máy 5C63046185, số khung C6308Y046185, biển kiểm soát 84K2 – 3369 của ông Lê Văn E, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 5.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Quốc T khai nhận còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 01/02/2020 nảy sinh ý định trộm xe mô tô của người khác để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, đi bộ từ nhà đến quán nước của bà Trần Thị D, tọa lạc ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh gần cửa hàng kinh doanh xây dựng vật liệu hiệu Út Tùng, Nguyễn Quốc T nhìn thấy 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số loại Wave, màu sơn đen xám, số máy HC12E017618, số khung RLHHC12028Y508108, biển kiểm soát 84K5 – 1443 của ông Lê Ngọc Tr, sinh năm 1980, nơi cư trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang dựng trong quán nước, không có người trông coi, trên xe có gắn chìa khóa, Nguyễn Quốc T nổ máy điều khiển xe mô tô đến thành phố T; tại đây, Nguyễn Quốc T gặp một người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) rồi nhờ người này dẫn đi cầm xe mô tô biển kiểm soát 84K5 – 1443 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Tha, sinh năm 1979, nơi cư trú 3/01, khóm 1, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 84K5 – 1443 xong thì Nguyễn Quốc T cho người thanh niên 500.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL.ĐGTS, ngày 04/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số loại Wave S, màu sơn đen xám, số máy HC12E017618, số khung RLHHC12028Y508108, biển kiểm soát 84K5 – 1443 của Lê Ngọc Tr, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 8.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT -VKSC/L, ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Quốc T, hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 01/02/2020, tại ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 84K5 – 1443 của ông Lê Ngọc Tr, trị giá 8.000.000 đồng và vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 14/02/2020, tại ấp số 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 84K2 –3369 của ông Lê Văn E, trị giá 5.000.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội trộm cắp tài sản. Buộc bị cáo giao trả lại tiền cầm xe mô tô cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc Tha số tiền 3.000.000 đồng. Riêng số tiền cầm xe 2.000.000 đồng của bà Dư Xuân D trong quá trình tiến hành tố tụng bà có lời trình bày không yêu cầu, không xem xét. Ngoài ra vị còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Quốc T xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt tại phiên tòa của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Tha vắng mặt không có lý do, nhưng đã được cơ quan điều tra Công an huyện C ghi lời khai, làm rõ những tình tiết vụ án, nên

không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án theo Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL.ĐGTS, ngày 17/02/2020 và số: 16/KL.ĐGTS, ngày 04/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Quốc T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc T là nguy hiểm cho xã hội; bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, xe máy, điện thoại di động...là do quá trình lao động tích lũy mới có được. Bị cáo Nguyễn Quốc T là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Cụ thể khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 01/02/2020 bị cáo lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 84K5 – 1443 của ông Lê Ngọc Tr, trị giá 8.000.000 đồng và khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 14/02/2020 tiếp tục lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 84K2 – 3369 của ông Lê Văn E, trị giá 5.000.000 đồng.

[5]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, thiệt hại tài sản đã xảy ra không lớn đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, nhưng bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân đã dẫn bị cáo phạm tội. Trong khi đó vào năm 2019 và đầu năm 2020 bị cáo 03 lần bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản, bị cáo chưa nộp phạt xong. Đáng lẽ ra bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa đổi để trở thành người tốt nhưng bị cáo tiếp tục vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, điều này thể hiện ý thức rất xem thường pháp luật, thuộc thành phần khó cải tạo, đã làm ảnh hưởng

xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[6]. Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh thời gian gần đây xảy ra liên tục trên các tuyến đường nhựa, đường nông thôn ... gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú về hành vi phạm tội trước đó, thiệt hại tài sản không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, hoàn cảnh gia đình có phần đơn chiếc khó khăn như có con còn nhỏ, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Do đó ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, nên người bị hại là ông Lê Ngọc Tr và ông Lê Văn E không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dư Xuân Du không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Tha yêu cầu bị cáo trả số tiền cầm xe là 3.000.000 đồng, bị cáo thống nhất bồi thường số tiền 3.000.000 đồng ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ Điều 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2020

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc Tha số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến